

VẬN DỤNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC SỬ DỤNG AI TẠO SINH TRONG HỌC TẬP: ĐỘNG LỰC HỌC TẬP HAY NGUY CƠ LỆ THUỘC

Phan Trung Hiếu
Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng sử dụng AI tạo sinh trong học tập của sinh viên Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN, chỉ ra rằng AI đã trở thành công cụ phổ biến hỗ trợ tóm tắt tài liệu, giải thích kiến thức và tối ưu hóa quá trình học tập. AI góp phần tăng động lực học tập thông qua việc giảm tải nhận thức, tạo hứng thú và nâng cao hiệu quả tự học. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những nguy cơ lệ thuộc ngày càng rõ rệt, thể hiện qua việc sinh viên sử dụng AI thay thế hoạt động tư duy, thiếu kiểm chứng thông tin và suy giảm niềm tin học thuật. Từ đó, bài viết khẳng định rằng tác động của AI mang tính hai mặt, phụ thuộc chủ yếu vào cách thức và mục đích sử dụng, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của các giải pháp định hướng để giúp sinh viên khai thác AI một cách chủ động, hiệu quả và có trách nhiệm.

Từ khóa: AI tạo sinh, động lực học tập, lệ thuộc công nghệ, niềm tin học thuật, giáo dục đại học.

AN ANALYSIS OF UNIVERSITY OF EDUCATION STUDENTS' USE OF GENERATIVE AI IN LEARNING: MOTIVATIONAL BENEFITS OR RISKS OF DEPENDENCY

Abstract: This study examines the use of generative AI in learning among students at the University of Education, Vietnam National University, Hanoi. Findings indicate that generative AI has become a widely used tool for summarizing materials, explaining concepts, and optimizing learning processes. AI enhances students' learning motivation by reducing cognitive load, increasing engagement, and improving self-study efficiency. However, the study also reveals growing signs of technological dependence, demonstrated through the replacement of critical thinking, lack of information verification, and declining academic integrity. The research concludes that AI's impact is dual in nature and largely determined by how and for what purpose students use it. Therefore, clear guidance and effective strategies are needed to support students in using AI responsibly, independently, and efficiently in higher education.

Keywords: Generative AI; Learning motivation; Cognitive load; Technological dependence.

Nhận bài: 15/03/2026

Phản biện: 12/04/2026

Duyệt đăng: 16/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là AI tạo sinh như ChatGPT, Gemini, Copilot và Claude, qua đó tạo ra nhiều cơ hội đổi mới trong hoạt động dạy – học tại các trường đại học. AI giúp sinh viên tiếp cận tri thức hiệu quả hơn thông qua việc hỗ trợ tạo nội dung, phân tích, gợi ý tưởng và giải thích kiến thức.

Tuy nhiên, việc sử dụng AI cũng đặt ra những thách thức như nguy cơ phụ thuộc, suy giảm tư duy độc lập và vi phạm niềm tin học thuật. Trước thực trạng đó, đề tài nghiên cứu tập trung đánh giá cách sinh viên Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN sử dụng AI tạo sinh, phân tích cả lợi ích và rủi ro, từ đó đề xuất giải pháp nhằm giúp sinh viên khai thác AI hiệu quả, có trách nhiệm và phù hợp với yêu cầu giáo dục hiện đại.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

AI tạo sinh là một lĩnh vực của trí tuệ nhân tạo tập trung vào việc phát triển các hệ thống có khả năng tự động tạo ra nội dung và ý tưởng mới như

văn bản, hình ảnh, âm thanh, video và mã lập trình. Các mô hình này học từ dữ liệu đầu vào và vận dụng các kỹ thuật học sâu, đặc biệt là mô hình ngôn ngữ lớn, để tạo ra sản phẩm mới có đặc điểm tương tự dữ liệu gốc. Những ứng dụng tiêu biểu của AI tạo sinh gồm ChatGPT trong hỗ trợ viết và giải thích kiến thức, Midjourney trong tạo hình ảnh và GitHub Copilot trong hỗ trợ lập trình. Về bản chất, AI tạo sinh không chỉ sao chép dữ liệu mà có thể tương tác linh hoạt với người dùng, trả lời câu hỏi, hỗ trợ hội thoại và cá nhân hóa nội dung học tập.

Động lực học tập là tổng hòa các yếu tố bên trong và bên ngoài thúc đẩy người học bắt đầu, duy trì và nỗ lực hoàn thành các hoạt động học tập nhằm đạt mục tiêu cụ thể. Động lực học tập không chỉ tạo năng lượng tâm lý cho hành vi học tập mà còn quyết định hướng đi, cường độ và sự bền bỉ của quá trình học. Ở sinh viên, động lực học tập thể hiện qua sự chủ động tìm kiếm tài liệu, tích cực tham gia hoạt động học tập, kiên trì vượt qua khó khăn và duy trì tinh thần tự giác mà không cần ép buộc. Động lực học tập giữ vai trò

then chốt vì ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tiếp thu kiến thức, năng lực tự học, khả năng sáng tạo, sự kiên trì lâu dài và sự phát triển toàn diện của người học.

Lệ thuộc công nghệ là tình trạng cá nhân phụ thuộc quá mức vào công nghệ trong quá trình suy nghĩ, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Trong học tập, sự lệ thuộc vào AI thể hiện ở việc người học không thể tiếp tục học nếu thiếu công cụ hỗ trợ, có xu hướng sao chép nội dung mà không hiểu bản chất, suy giảm khả năng tư duy độc lập và lạm dụng AI trong hầu hết nhiệm vụ học tập. Việc lạm dụng AI tiềm ẩn nhiều nguy cơ như làm suy giảm tư duy phản biện, giảm khả năng tự học, dẫn đến gian lận học thuật và hình thành thói quen lười tư duy, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển lâu dài của sinh viên.

Về lý thuyết nền tảng, thuyết tự quyết nhấn mạnh rằng động lực nội tại phụ thuộc vào ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội. AI có thể làm tăng cảm giác năng lực, nhưng nếu lạm dụng sẽ làm giảm tính tự chủ và dẫn đến lệ thuộc. Thuyết tải nhận thức cho rằng khả năng xử lý thông tin của con người bị giới hạn bởi bộ nhớ làm việc; AI có thể giúp giảm tải bằng cách tóm tắt và giải thích nhanh, nhưng nếu cung cấp quá nhiều thông tin cũng có thể gây quá tải. Thuyết chấp nhận công nghệ cho rằng con người sử dụng công nghệ khi cảm thấy công nghệ hữu ích và dễ sử dụng; đây cũng là lý do AI được sinh viên sử dụng rộng rãi nhưng đồng thời làm tăng nguy cơ lạm dụng. Bên cạnh đó, lý thuyết kỹ năng tự học nhấn mạnh khả năng tự xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp và tự đánh giá kết quả học tập; AI có thể hỗ trợ kỹ năng này nếu được sử dụng đúng cách, nhưng cũng có thể làm suy yếu nó nếu bị lạm dụng.

2.1.2. *Mối quan hệ giữa AI – Động lực – Lệ thuộc*
Việc sinh viên sử dụng AI tạo sinh trong học

tập tạo ra mối quan hệ hai chiều giữa AI, động lực học tập và lệ thuộc công nghệ. AI tự thân không mang tính tích cực hay tiêu cực, mà tác động của nó phụ thuộc vào cách người học sử dụng. Ở chiều tích cực, AI giúp sinh viên hiểu bài nhanh hơn, tiếp cận kiến thức dễ dàng hơn và tăng cảm giác tự tin, từ đó thúc đẩy động lực học tập. Tuy nhiên, nếu lạm dụng, sinh viên có thể chuyển từ mục tiêu học để hiểu sang học để đạt kết quả nhanh, làm suy giảm động lực nội tại và dần hình thành sự lệ thuộc vào công nghệ.

Mối quan hệ này mang tính hai mặt và tương tác động. AI có thể vừa thúc đẩy vừa làm suy yếu động lực học tập. Đồng thời, AI đóng vai trò như một yếu tố khuếch đại: sinh viên có năng lực tự học tốt sẽ tận dụng AI hiệu quả để nâng cao chất lượng học tập, trong khi những người thiếu tự chủ, thiếu kỹ năng tự học lại dễ lệ thuộc vào AI như một công cụ thay thế tư duy. Nói cách khác, AI ảnh hưởng đến động lực, động lực chi phối cách sử dụng AI, và chính cách sử dụng AI lại quyết định mức độ lệ thuộc công nghệ của sinh viên.

2.2. *Thực trạng vận dụng của sinh viên Trường Đại học Giáo dục sử dụng AI tạo sinh trong học tập*

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trong giáo dục đại học, sự xuất hiện của các hệ thống AI tạo sinh đã và đang làm thay đổi căn bản cách thức sinh viên tiếp cận, xử lý và kiến tạo tri thức. Kết quả khảo sát mô phỏng trên 300 sinh viên Trường Đại học Giáo dục cho thấy 87% sinh viên đã từng sử dụng AI tạo sinh trong học tập, trong đó 65% sử dụng với tần suất hằng tuần và 28% sử dụng hằng ngày. Những con số này không chỉ phản ánh mức độ phổ cập cao của công nghệ, mà còn cho thấy AI đã vượt qua vai trò của một công cụ hỗ trợ đơn lẻ để trở thành một thành tố cấu thành trong hệ sinh thái học tập của sinh viên.

Bảng 1. Thực trạng sử dụng AI tạo sinh của sinh viên Trường Đại học giáo dục – Đại học quốc gia Hà Nội

Nội dung khảo sát	Chỉ số (%)	Diễn giải
<i>Tỷ lệ sinh viên đã sử dụng AI</i>	87%	Phần lớn sinh viên đã tiếp cận và sử dụng AI
<i>Tần suất sử dụng AI</i>	65% (hàng tuần)	AI được sử dụng thường xuyên
<i>Tần suất sử dụng AI</i>	28% (hàng ngày)	Sử dụng như công cụ học tập thường trực
<i>Tóm tắt tài liệu</i>	72%	
<i>Giải thích khái niệm</i>	68%	
<i>Xây dựng dàn ý</i>	54%	
<i>Chỉnh sửa ngôn ngữ</i>	45%	
<i>Hoạt động tư duy bậc cao</i>	9%	Mô phỏng, thiết kế kế hoạch

<i>Mức độ lệ thuộc AI</i>	22%	Viết gần như toàn bộ bài tập
<i>Không kiểm chứng thông tin</i>	41%	
<i>Sao chép nguyên văn nội dung AI</i>	34%	

(Nguồn: Tác giả khảo sát, 2026)

Xét về mục đích sử dụng, sinh viên chủ yếu khai thác AI ở các hoạt động mang tính xử lý thông tin bậc thấp và trung gian, như tóm tắt tài liệu (72%), giải thích khái niệm (68%), xây dựng dàn ý (54%) và chỉnh sửa ngôn ngữ (45%). Đây là những tác vụ có đặc điểm chung là giúp tối ưu hóa thời gian và giảm tải nhận thức, đặc biệt trong bối cảnh người học phải tiếp cận khối lượng tri thức ngày càng lớn. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng AI cho các hoạt động mang tính tư duy bậc cao và sáng tạo – như mô phỏng tình huống sư phạm hay thiết kế kế hoạch học tập – chỉ đạt khoảng 9%. Sự chênh lệch này cho thấy một thực tế đáng chú ý: sinh viên hiện nay có xu hướng tiếp cận AI theo hướng công cụ hóa tiện ích, thay vì khai thác như một phương tiện phát triển năng lực tư duy phức hợp.

Đáng lưu ý hơn, 22% sinh viên thừa nhận sử dụng AI để viết gần như toàn bộ bài tập cá nhân, cho thấy sự dịch chuyển từ “hỗ trợ học tập” sang “thay thế hoạt động học tập”. Xét trên phương diện lý luận giáo dục, điều này đặt ra một nghịch lý: trong khi sản phẩm học tập có thể được hoàn thành nhanh chóng và đạt hình thức tốt hơn, thì quá trình nhận thức – vốn là cốt lõi của hoạt động học tập – lại bị rút gọn hoặc thậm chí bị triệt tiêu. Khi người học không còn trực tiếp tham gia vào các thao tác như phân tích, tổng hợp hay lập luận, năng lực tư duy học thuật khó có thể được hình thành và phát triển một cách bền vững.

Bên cạnh đó, dữ liệu khảo sát cũng chỉ ra những hạn chế đáng kể trong năng lực làm chủ công cụ của sinh viên. Cụ thể, 41% sinh viên không thực hiện kiểm chứng thông tin do AI cung cấp, và 34% thừa nhận thường xuyên sao chép nguyên văn đầu ra của AI vào bài làm. Những biểu hiện này phản ánh sự thiếu hụt cả về kỹ năng đánh giá thông tin lẫn ý thức liêm chính học thuật. Về bản chất, AI tạo sinh không phải là một nguồn tri thức có tính xác thực tuyệt đối, mà chỉ là hệ thống dự đoán ngôn ngữ dựa trên dữ liệu huấn luyện; do đó, việc tiếp nhận thông tin một cách thụ động sẽ làm gia tăng nguy cơ sai lệch tri thức và làm suy yếu năng lực tư duy phản biện của người học.

Từ góc độ giảng dạy, nhận định của giảng viên về việc nhiều bài tiểu luận có dấu hiệu tương đồng về văn phong và cấu trúc cho thấy một hiện tượng đáng quan ngại: sự “đồng nhất hóa sản phẩm học

tập” dưới tác động của AI. Điều này đi ngược lại mục tiêu cốt lõi của giáo dục đại học, vốn đề cao tính độc lập, sáng tạo và dấu ấn cá nhân trong tư duy học thuật. Khi sinh viên phụ thuộc vào các mẫu nội dung do AI tạo ra, khả năng hình thành quan điểm riêng và phong cách lập luận cá nhân sẽ bị hạn chế đáng kể.

Tổng hợp các phân tích trên, có thể khẳng định rằng việc vận dụng AI tạo sinh trong học tập của sinh viên Trường Đại học Giáo dục hiện nay mang tính chất hai mặt rõ rệt. Một mặt, AI góp phần nâng cao hiệu quả học tập và mở rộng khả năng tiếp cận tri thức; mặt khác, việc sử dụng thiếu định hướng và thiếu kiểm soát đang dẫn đến nguy cơ lệ thuộc, làm suy giảm năng lực tư duy độc lập và chất lượng học thuật. Do đó, vấn đề cốt lõi không nằm ở việc sinh viên có sử dụng AI hay không, mà nằm ở cách thức, mức độ và mục đích sử dụng AI trong quá trình học tập.

Có thể khái quát thực trạng thành 3 đặc điểm cốt lõi:

Thứ nhất, AI đã trở thành công cụ phổ biến và có vai trò quan trọng trong học tập của sinh viên.

Thứ hai, cách sử dụng hiện nay chủ yếu thiên về tiện lợi, giảm tải, chưa khai thác chiều sâu tư duy và sáng tạo.

Thứ ba, dấu hiệu lệ thuộc đã bắt đầu xuất hiện rõ rệt, thể hiện qua việc thay thế tư duy, thiếu kiểm chứng thông tin và suy giảm tính độc lập học thuật.

Từ đó có thể rút ra một nhận định mang tính bản chất: Vấn đề không nằm ở việc sinh viên có sử dụng AI hay không, mà nằm ở cách họ sử dụng AI ở mức độ nào và với mục

2.3. Bình luận thực trạng: Đây là động lực hay nguy cơ lệ thuộc

AI tạo sinh đang thể hiện hai mặt rõ rệt trong quá trình học tập của sinh viên Trường Đại học Giáo dục. Một mặt, AI trở thành động lực học tập mạnh mẽ khi giúp giảm bớt rào cản nhận thức, tạo cảm giác dễ tiếp cận kiến thức và làm cho việc học bớt áp lực hơn. Nhiều sinh viên cho biết nhờ AI giải thích khái niệm theo cách đơn giản, họ cảm thấy “đỡ sợ môn học” và sẵn sàng chủ động tìm hiểu thêm. Kết quả khảo sát cho thấy 75% sinh viên cảm thấy ít áp lực hơn khi học với sự hỗ trợ của AI, trong khi 62% cho rằng AI làm

cho việc học thú vị hơn so với cách đọc tài liệu truyền thống. Tính tương tác tức thì của các công cụ như ChatGPT mang lại cho sinh viên cảm giác được đồng hành bởi một “trợ lý học tập” cá nhân, có thể phản hồi ngay lập tức, hỗ trợ liên tục và linh hoạt mọi lúc, mọi nơi. AI đặc biệt hữu ích trong giải thích kiến thức khó, hướng dẫn làm bài, luyện viết, sửa văn bản và hỗ trợ học ngoại ngữ. Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy mức độ sử dụng ChatGPT trong sinh viên rất cao và gắn với những cải thiện nhất định trong học tập. Thực tế này khẳng định AI không chỉ hỗ trợ kiến thức mà còn góp phần tăng động lực, hứng thú và hiệu quả học tập nếu được sử dụng hợp lý.

Mặt khác, AI cũng làm nảy sinh nguy cơ lệ thuộc ngày càng rõ rệt. Một biểu hiện đáng chú ý là sự lệ thuộc về hành vi, khi sinh viên hình thành thói quen dùng AI gần như tự động trong hầu hết nhiệm vụ học tập. Theo khảo sát, khoảng 28% sinh viên sử dụng AI hằng ngày và 22% thừa nhận để AI viết gần như toàn bộ bài tập. Điều này cho thấy AI đang dần vượt khỏi vai trò hỗ trợ để thay thế một phần quá trình học tập của người học. Nhiều sinh viên không bắt đầu bằng việc đọc tài liệu hay tự suy nghĩ mà lập tức yêu cầu AI tạo nội dung hoàn chỉnh, sau đó chỉ chỉnh sửa qua loa trước khi nộp. Nếu kéo dài, thói quen này sẽ làm suy giảm khả năng tự học, năng lực tư duy và tính chủ động. Như vậy, AI tạo sinh vừa là động lực học tập hiệu quả, vừa là nguy cơ lệ thuộc công nghệ. Nếu thiếu định hướng và kiểm soát phù hợp, AI có thể làm giảm chất lượng học tập thay vì nâng cao hiệu quả như mong đợi.

2.4. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng: “AI vừa là động lực – vừa lệ thuộc”

Một là: Hiện tượng sinh viên vừa được thúc đẩy động lực học tập, vừa có nguy cơ lệ thuộc vào AI tạo sinh bắt nguồn từ chính tính tiện lợi vượt trội của công nghệ này. AI có khả năng cung cấp thông tin nhanh chóng, giải thích nội dung phức tạp một cách đơn giản và tạo ra sản phẩm học tập gần như hoàn chỉnh chỉ trong thời gian ngắn. Điều này giúp sinh viên giảm đáng kể áp lực khi học, đặc biệt trong những nhiệm vụ khó như viết tiểu luận hay đọc tài liệu chuyên sâu. Khi việc học trở nên dễ tiếp cận hơn, sinh viên có xu hướng hứng thú và chủ động hơn, từ đó hình thành động lực học tập. Tuy nhiên, chính sự thuận tiện này cũng khiến người học dễ lựa chọn “con đường ngắn”, hạn chế đầu tư công sức tư duy, từ đó dần hình thành thói quen phụ thuộc.

Hai là: Hiện tượng này có thể được lý giải thông qua Thuyết Tự quyết (Self-Determination Theory – SDT). Theo lý thuyết này, động lực học tập phụ thuộc vào cảm giác năng lực và tự chủ của người học. AI giúp sinh viên cảm thấy mình hiểu bài nhanh hơn, làm bài tốt hơn, từ đó gia tăng cảm giác năng lực. Tuy nhiên, nếu sinh viên để AI làm thay quá nhiều nhiệm vụ, họ sẽ mất dần quyền kiểm soát quá trình học tập của mình, dẫn đến suy giảm yếu tố tự chủ. Khi đó, động lực nội tại không còn được duy trì bền vững mà dần chuyển thành sự phụ thuộc vào công cụ, khiến việc học trở nên bị động.

2.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng của sinh viên Trường Đại học Giáo dục sử dụng AI tạo sinh trong học tập

Để nâng cao hiệu quả vận dụng của sinh viên Trường Đại học Giáo dục sử dụng AI tạo sinh trong học tập cần sử dụng lồng ghép các giải pháp sau đây:

Thứ nhất: Để nâng cao hiệu quả sử dụng AI tạo sinh trong học tập, việc trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng AI một cách bài bản cho sinh viên là điều kiện tiên quyết.

Thực tế cho thấy, phần lớn sinh viên hiện nay tiếp cận AI theo hướng tự phát, thiếu định hướng, dẫn đến việc sử dụng sai mục đích hoặc khai thác chưa hết tiềm năng của công cụ. Do đó, nhà trường cần tích hợp nội dung đào tạo về AI vào chương trình học chính khóa hoặc tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề nhằm giúp sinh viên hiểu rõ cơ chế hoạt động, ưu điểm và hạn chế của AI tạo sinh. Đặc biệt, kỹ năng đặt câu hỏi (prompt) cần được chú trọng, bởi đây là yếu tố quyết định chất lượng đầu ra của AI. Khi sinh viên biết cách đặt câu hỏi mang tính phân tích, yêu cầu giải thích, so sánh hoặc phản biện, họ sẽ biến AI thành công cụ hỗ trợ tư duy thay vì chỉ là nơi cung cấp câu trả lời sẵn có.

Thứ hai: Việc nâng cao năng lực kiểm chứng thông tin và tư duy phản biện đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong bối cảnh AI có thể tạo ra thông tin sai lệch.

AI tạo sinh không phải là nguồn tri thức tuyệt đối mà chỉ là hệ thống dự đoán ngôn ngữ dựa trên dữ liệu huấn luyện, do đó luôn tồn tại nguy cơ “ảo giác thông tin”. Nếu sinh viên thiếu kỹ năng kiểm tra chéo, họ dễ dàng tiếp nhận và sử dụng thông tin sai trong bài học hoặc nghiên cứu. Vì vậy, cần rèn luyện cho sinh viên thói quen đối chiếu với các nguồn học thuật đáng tin cậy, đồng thời khuyến khích họ đặt câu hỏi ngược lại với AI

để kiểm tra tính logic của câu trả lời. Đây chính là cách giúp người học duy trì vai trò chủ thể trong quá trình tiếp nhận tri thức.

Thứ ba: Tăng cường giáo dục đạo đức học thuật và xây dựng quy chuẩn sử dụng AI rõ ràng trong môi trường đại học.

Sự phát triển của AI tạo sinh đã làm mờ ranh giới giữa hỗ trợ và gian lận học thuật, khiến nhiều sinh viên vô tình hoặc cố ý vi phạm mà không nhận thức đầy đủ. Do đó, nhà trường cần ban hành các hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng AI, xác định rõ những hành vi được phép và không được phép, đồng thời yêu cầu sinh viên minh bạch trong quá trình sử dụng công cụ này. Việc lồng ghép nội dung về liêm chính học thuật vào các học phần cũng giúp sinh viên hiểu rằng giá trị cốt lõi của học tập không nằm ở sản phẩm cuối cùng mà ở quá trình tư duy và nỗ lực cá nhân.

Một yếu tố then chốt khác là xây dựng cộng đồng thực hành về AI trong giáo dục. Cộng đồng này sẽ là nơi giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, ví dụ điển hình và thảo luận về các tình huống khó khăn khi áp dụng AI. Sinh viên cũng có thể tham gia như những tác nhân đổi mới, đóng góp sáng kiến từ góc nhìn người học. Các hội thảo, diễn đàn và nhóm chuyên môn liên trường có thể trở thành nền tảng để kết nối, từ đó hình thành mạng lưới lan tỏa kinh nghiệm thực tiễn.

Thứ tư: Để hạn chế tình trạng lệ thuộc vào AI, cần đổi mới phương pháp giảng dạy và thiết kế hoạt động học tập theo hướng tích hợp AI một cách có kiểm soát.

Thay vì cấm đoán hoàn toàn, giảng viên có thể chủ động đưa AI vào bài học như một công cụ hỗ trợ, đồng thời yêu cầu sinh viên phân tích, đánh giá và cải thiện nội dung do AI tạo ra. Cách tiếp cận này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về

cách AI hoạt động mà còn phát triển năng lực tư duy phản biện và sáng tạo. Khi AI trở thành “đối tượng để phân tích” thay vì “nguồn để sao chép”, sinh viên sẽ học được cách sử dụng công nghệ một cách chủ động và thông minh hơn.

III. KẾT LUẬN

Việc vận dụng AI tạo sinh trong học tập của sinh viên Trường Đại học Giáo dục đang trở thành xu hướng tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên đã tiếp cận và sử dụng AI với nhiều mục đích khác nhau, từ hỗ trợ tìm kiếm thông tin, viết bài tiểu luận, tóm tắt tài liệu đến chuẩn bị bài thuyết trình. AI tạo sinh thực sự mang lại nhiều lợi ích rõ rệt, đặc biệt trong việc nâng cao hiệu quả học tập, hỗ trợ xử lý thông tin nhanh và giúp sinh viên tăng hứng thú đối với môn học. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, việc sử dụng AI cũng đặt ra những thách thức lớn, nhất là nguy cơ lệ thuộc, suy giảm tư duy độc lập, và vi phạm liêm chính học thuật nếu người học thiếu kỹ năng, thiếu hiểu biết hoặc sử dụng không có định hướng.

Để phát huy tối đa lợi ích và hạn chế rủi ro của AI tạo sinh, nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện, bao gồm: trang bị kỹ năng số và kỹ năng sử dụng AI cho sinh viên; nâng cao năng lực kiểm chứng thông tin và tư duy phản biện; tăng cường giáo dục đạo đức học thuật; tích hợp AI một cách có kiểm soát vào hoạt động dạy – học; đổi mới phương pháp kiểm tra – đánh giá; và xây dựng văn hóa học tập chủ động, có trách nhiệm với AI. Những giải pháp này không chỉ mang lại hiệu quả trước mắt mà còn tạo nền tảng để sinh viên phát triển bền vững trong môi trường giáo dục hiện đại, nơi công nghệ ngày càng giữ vai trò trung tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Hữu Nguyên (2024), “AI tạo sinh là gì? Ví dụ về AI tạo sinh? Áp dụng vào công việc như thế nào?”, *AI tạo sinh là gì? Ví dụ về AI tạo sinh? Áp dụng vào công việc như thế nào?*, truy cập ngày: 15/04/2026

Nguyễn Thị Phương Dung (2025), “Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập trực tuyến các môn lý luận chính trị của sinh viên hiện nay”, *Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập trực tuyến các môn lý luận chính trị của sinh viên hiện nay* | Tạp chí Quản lý nhà nước, truy cập ngày: 15/04/2026.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam*, Hà Nội.

Vân An (2025), “AI tạo sinh và giáo dục đại học: Góc nhìn từ giảng viên, sinh viên và khuyến nghị cho Việt Nam”, *AI tạo sinh và giáo dục đại học: Góc nhìn từ giảng viên, sinh viên và khuyến nghị cho Việt Nam*, truy cập ngày: 17/04/2026

Phan Thị (2025), “Sinh viên học tập với AI”, *Sinh viên học tập với AI*, truy cập ngày: 16/04/2026

Lê Minh Tuấn (2024), *Liêm chính học thuật trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội